

Số: 81/QĐ-CDYKHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo
Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

Căn cứ Thông tư Số: 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-LĐTBXH ngày 12/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Y Hà Nội I thành Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội.

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám hiệu; Các Phòng, Khoa, Bộ môn và các nhà giáo trong Nhà trường triển khai thực hiện đúng Quy chế này này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị (để b/c);
- Ban giám hiệu (để đ/h);
- Phòng, Bộ môn (để t/h);
- Lưu VT, P.TC-HC



BSCKII Nguyễn Hồng Hải

**QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN,
NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y KHOA HÀ NỘI**
(Ban hành kèm theo quyết định số: 81/QĐ- CDYKHN ngày 3/ tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Quy chế này áp dụng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đang giảng dạy trong Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các yêu cầu cơ bản về năng lực nghề nghiệp mà nhà giáo cần đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp ở các cấp trình độ đào tạo.

2. Tiêu chí là những nội dung cụ thể của chuẩn, thể hiện năng lực của nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn là những yêu cầu cụ thể của tiêu chí. Trong mỗi tiêu chuẩn có các chỉ số đánh giá.

4. Chỉ số là mức độ yêu cầu và điều kiện về một khía cạnh cụ thể của tiêu chuẩn.

5. Minh chứng là các tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, nhân chứng được dẫn ra để xác nhận một cách khách quan mức độ đạt được của chỉ số.

6. Dạy tích hợp là vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong một bài học, học phần, môn học, mô-đun.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tiểu mục 1. TIÊU CHÍ 1 VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN

Điều 3. Tiêu chuẩn 1 về Trình độ chuyên môn

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

- b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan;
- d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

2. Đối với nhà giáo dạy thực hành

a) Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghề nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương;

- b) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- c) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghề nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương;

- b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan;
- d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- đ) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- e) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 4. Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ

1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 5. Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học

1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên.

2. Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng, tài liệu giảng dạy.

Tiểu mục 2. TIÊU CHÍ 2 VỀ NĂNG LỰC SƯ PHẠM

Điều 6. Tiêu chuẩn 1 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy

1. Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương.

2. Có thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

Điều 7. Tiêu chuẩn 2 về Chuẩn bị hoạt động giảng dạy

1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học.

2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học.

3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.

4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết.

5. Tự làm các thiết bị dạy học đơn giản để phục vụ giảng dạy.

6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 8. Tiêu chuẩn 3 về Thực hiện hoạt động giảng dạy

1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung.

2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định.

3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học.

4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điều 9. Tiêu chuẩn 4 về Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.

11/11/2014

2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Điều 10. Tiêu chuẩn 5 về Quản lý hồ sơ dạy học

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học.
2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.

Điều 11. Tiêu chuẩn 6 về Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.
2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp.

Điều 12. Tiêu chuẩn 7 về Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục

1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác.
2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng.
3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học.
4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục.

Điều 13. Tiêu chuẩn 8 về Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập

1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học.
2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.

Điều 14. Tiêu chuẩn 9 về Hoạt động xã hội

1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội.

Tiểu mục 3. TIÊU CHÍ 3 VỀ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 15. Tiêu chuẩn 1 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao

1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn.

2. Tham gia hội giảng các cấp.

3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

4. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.

Điều 16. Tiêu chuẩn 2 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học

1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp.

2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp.

Điều 17. Tiêu chuẩn 3 về Nghiên cứu khoa học

1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên.

Chương III

DÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 18. Căn cứ đánh giá, xếp loại nhà giáo

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết, thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng: Có 03 tiêu chí, 15 tiêu chuẩn, 42 chỉ số.

2. Đối với nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp, cao đẳng: Có 03 tiêu chí, 15 tiêu chuẩn, 44 chỉ số.

3. Các chỉ số thể hiện bằng các điểm của các khoản từ Điều 3 đến Điều 17 của Quy chế này.

Điều 19. Điểm đánh giá

1. Điểm đánh giá tối đa của mỗi chỉ số là 2 điểm. Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quyết định việc cho điểm chi tiết từng chỉ số theo 3 mức: 0, 1, 2.

2. Điểm đánh giá tối đa của tiêu chuẩn là tổng số điểm đánh giá tối đa của các chỉ số có trong tiêu chuẩn.

3. Tổng số điểm đánh giá tối đa của nhà giáo là tổng số điểm đánh giá tối đa của các tiêu chuẩn đối với từng nhà giáo. Tổng số điểm đánh giá tối đa đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 72 điểm; nhà giáo dạy lý thuyết hoặc thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng là 84 điểm; nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp, cao đẳng là 88 điểm.

4. Công thức tính điểm đánh giá quy đổi theo thang điểm 100

$$\text{Điểm quy đổi (lấy phần nguyên)} = \frac{\text{Tổng số điểm đánh giá đạt được} \times 100}{\text{Tổng số điểm đánh giá tối đa}}$$

5. Nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều cấp trình độ đào tạo thì được đánh giá, xếp loại theo chuẩn của nhà giáo giảng dạy ở cấp trình độ cao nhất.

Điều 20. Xếp loại nhà giáo

1. Không đạt chuẩn

Nhà giáo không đạt chuẩn thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Điểm quy đổi dưới 50 điểm;
- b) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng điểm đánh giá của một trong các tiêu chuẩn đạt dưới 50% điểm đánh giá tối đa;
- c) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng điểm đánh giá của chỉ số quy định tại khoản 1 Điều 3; điểm a của các khoản 1, 2, 3 Điều 17; điểm a của các khoản 1, 2, 3 Điều 32 của Thông tư : 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh (sau đây gọi là chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1) hoặc chỉ số quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 35 (sau đây gọi là chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2) không đạt điểm đánh giá tối đa.

2. Đạt chuẩn

a) Loại C: Điểm quy đổi đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1 và chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa;

b) Loại B: Điểm quy đổi đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1 và chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa;

c) Loại A: Điểm quy đổi đạt từ 80 điểm đến 100 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1 và chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

Điều 21. Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo

1. Nhà giáo tự đánh giá, xếp loại (theo mẫu số 01)

2. Tổ bộ môn tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này); báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo cho Hiệu trưởng, (theo mẫu số 02).

3. Ban giám hiệu Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo ở cấp cơ sở (theo mẫu số 03).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22: Điều khoản thi hành

Quy chế này được thực hiện từ năm 2022. Trong quá trình thực hiện nếu cá nhân, đơn vị trực thuộc trường phát hiện có vấn đề phát sinh, cần điều chỉnh cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tế hoạt động của Trường thì báo cáo Ban giám hiệu Nhà trường để xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị (để b/c);
- Ban giám hiệu (để đ/h);
- Phòng, Bộ môn (để t/h);
- Lưu VT, P.TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG


BSCKII Nguyễn Hồng Hải



TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y KHOA HÀ NỘI
BỘ MÔN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO

Năm học:

Họ tên giảng viên:

Bộ môn:

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ SỐ	Điểm đánh giá	Điểm đánh giá tối đa	Điểm cá nhân tự đánh giá
TIÊU CHÍ 1: NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN		16-20	
Tiêu chuẩn 1: Trình độ chuyên môn		8.0	
A. Đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết		8.0	
Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy		2,0	
- Có	2,0		
- Không có	0,0		
2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là không đạt yêu cầu	0,0		
3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là không đạt yêu cầu	0,0		
4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ KHKT, Công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là không đạt yêu cầu.	0,0		
B. Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành		8.0	
1. Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017.		2,0	
- Có	2,0		
- Không có	0,0		
2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	0,0		
3. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0		
- Được đánh giá Đạt yêu cầu	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		

4. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy			
- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Đạt yêu cầu	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
C. Đối với nhà giáo giảng dạy tích hợp		14	
1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017.		2,0	
- Có	2,0	2,0	
- Không có	0,0		
2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy			
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	0,0		
3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan			
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	0,0		
4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ KHKT-CN mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy			
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
5. Thực hiện thành thạo các kỹ năng ngành, nghề được phân công giảng dạy			
- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
6. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ liên quan tới ngành, nghề được phân công giảng dạy			
- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Đạt yêu cầu	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
Tiêu chuẩn 2. Trình độ ngoại ngữ		4,0	
1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương trở lên.		2,0	
- Có chứng chỉ	2,0	2,0	
- Không có chứng chỉ	0,0		
2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy .			
- Có sử dụng	2,0	2,0	
- Không sử dụng	0,0		
Tiêu chuẩn 3. Trình độ tin học		4,0	
1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương trở lên.		2,0	
- Có chứng chỉ	2,0	2,0	
- Không có chứng chỉ	0,0		

2. Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng, tài liệu giảng dạy	2,0	2,0	
- Sử dụng thành thạo, đạt hiệu quả cao	1,0		
- Có sử dụng	0,0		
- Không sử dụng			
TIÊU CHÍ 2: NĂNG LỰC SỰ PHẠM			
Tiêu chuẩn 1. Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy			
1. Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm.	2,0	2,0	
- Có chứng chỉ	0,0		
- Không có chứng chỉ	2,0		2,0
2. Thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng			
Tiêu chuẩn 2. Chuẩn bị hoạt động giảng dạy			
1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học	2,0	2,0	
Lập kế hoạch đầy đủ	1,0		
- Có lập kế hoạch nhưng chưa đầy đủ	0,0		
- Không lập kế hoạch			
2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học	2,0	2,0	
- Soạn giáo án đầy đủ, đúng quy định	1,0		
- Soạn giáo án nhưng chưa đầy đủ và kịp thời	0,0		
- Soạn giáo án không đúng quy định			
3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy	2,0	2,0	
- Được đánh giá phù hợp từ 75% - 100%	1,0		
- Được đánh giá phù hợp từ 50% - < 75%	0,0		
- Được đánh giá phù hợp < 50%			
4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết.	2,0	2,0	
- Chuẩn bị đầy đủ	1,0		
- Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ	0,0		
- Không chuẩn bị			
5. Tự làm các thiết bị dạy học đơn giản để phục vụ giảng dạy.	2,0	2,0	
- Có tự làm các thiết bị dạy học	0,0		
- Không tự làm các thiết bị dạy học			
6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.	2,0	2,0	
- Chủ trì thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn	1,0		
- Tham gia bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp.	0,0		
- Không tham gia			
Tiêu chuẩn 3. Thực hiện hoạt động giảng dạy			
1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	1,0		
- Được đánh giá là Trung bình			

- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định			
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học			
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp			
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học			
1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy			
- Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá tốt kết quả học tập của người học	2,0	2,0	
- Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá ở mức khá, trung bình kết quả học	1,0		
- Lựa chọn và thiết kế không phù hợp	0,0		
2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng được kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học			
- Được đánh giá là khá, tốt.	2,0	2,0	
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
Tiêu chuẩn 5. Quản lý hồ sơ dạy học			
1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học.			
- Thực hiện đúng và đầy đủ	2,0	2,0	
- Có thực hiện	1,0		
- Không thực hiện	0,0		
2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.			
- Thực hiện đúng và đầy đủ	2,0	2,0	
- Có thực hiện	1,0		
- Không thực hiện	0,0		
Tiêu chuẩn 6. Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng			
1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành.			
- Đạt yêu cầu	2,0	2,0	
- Không đạt yêu cầu	0,0		
2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp.			
- Chủ trì	2,0	2,0	
- Tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		
Tiêu chuẩn 7: Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục			
1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác			
- Xây dựng kế hoạch đầy đủ	2,0	2,0	

- Có xây dựng kế hoạch	1,0		
- Không xây dựng kế hoạch	0,0		
2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-dun theo kế hoạch đã xây dựng	2,0	2,0	
- Có thực hiện và đạt hiệu quả	1,0		
- Có thực hiện	0,0		
- Không thực hiện			
3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học	2,0	2,0	
- Vận dụng hiệu quả	1,0		
- Có vận dụng	0,0		
- Không vận dụng			
4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục	2,0	2,0	
- Có đánh giá chính xác	1,0		
- Có đánh giá c	0,0		
- Không đánh giá			
Tiêu chuẩn 8: Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập		4,0	
1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học.	2,0	2,0	
- Quản lý tốt	1,0		
- Có quản lý	0,0		
- Không quản lý			
2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.	2,0	2,0	
- Tích cực xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.	1,0		
- Có xây dựng	0,0		
- Không xây dựng			
Tiêu chuẩn 9: Hoạt động xã hội		2,0	
1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	1,0	1,0	
- Phối hợp tốt	0,5		
- Có phối hợp	0,0		
- Không phối hợp			
2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động GDNN với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động GDNN, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội.	1,0	1,0	
- Tích cực tham gia	0,5		
- Có tham gia	0,0		
- Không tham gia			
TIÊU CHÍ 3: NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			
Tiêu chuẩn 1: Học tập, bồi dưỡng nâng cao			
1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn	2,0	2,0	
- Tham gia đầy đủ các nội dung	1,0		
- Tham gia nhưng không đầy đủ			

- Không tham gia	0,0		
2. Tham gia hội giảng các cấp			
- Có tham gia	2,0	2,0	
- Không tham gia	0,0		
3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.			
- Thường xuyên tham gia	2,0	2,0	
- Có tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		
4. Tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.			
- Thường xuyên tham gia	2,0	2,0	
- Có tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		
Tiêu chuẩn 2: Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học			
1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp.			
- Có tham gia	2,0	2,0	
- Không tham gia	0,0		
2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp.			
- Có tham gia	2,0	2,0	
- Không tham gia	0,0		
Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu khoa học			
1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ			
- Có kiến thức	2,0	2,0	
- Không có kiến thức	0,0		
2. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học			
- Hoàn thành từ 50% đến 100% định mức công việc NCKH	2,0	2,0	
- Hoàn thành dưới 50% định mức công việc NCKH	1,0		
- Không hoàn thành.	0,0		
Tổng số điểm đánh giá tối đa:			
- Nhà giáo dạy lý thuyết		16,0	
- Nhà giáo dạy thực hành		16,0	
- Nhà giáo dạy tích hợp		22,0	

Điểm quy đổi = Điểm đánh giá/điểm tối đa *100

Điểm quy đổi =

* Đạt chuẩn:

- 1) Loại C: Điểm quy đổi đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm.
- 2) Loại B: Điểm quy đổi đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm
- 3) Loại A: Điểm quy đổi đạt từ 80 điểm đến 100 điểm

Người đánh giá
(Kí và ghi rõ họ tên)